

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Quyết định ban hành Quy định thang điểm áp dụng bình xét danh hiệu Gia đình văn hóa; thôn, bon, buôn, bản, tổ dân phố văn hóa; xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị; cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Thực hiện quy định tại Điều 130 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Công văn số 921/SVHTTDL-QLVHGĐ về việc thẩm định Dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 27/4/2014 của UBND tỉnh;

Sở Tư pháp tiến hành thẩm định dự thảo Quyết định nêu trên với những nội dung cụ thể như sau:

1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo

Nhìn chung, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo văn bản cơ bản phù hợp với các quy định có liên quan và tình hình thực tế của địa phương. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan soạn thảo lưu ý một số vấn đề sau:

a) Về phạm vi điều chỉnh

- **Thứ nhất**, tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Quy định đã quy định như sau:

“Quy định này quy định thang điểm gia đình văn hoá; Thôn, bon, buôn, bản, tổ dân phố văn hóa; Xã đạt chuẩn văn hoá nông thôn mới; Phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị; Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Nông”.

Tuy nhiên, tại Điều 2 dự thảo Quy định lại quy định “nguyên tắc thực hiện” việc công nhận; việc bình xét công nhận, khen thưởng; tại khoản 2 dự thảo Phụ lục 01 quy định việc xét công nhận; có các mẫu biên bản tại các phụ lục kèm theo... Việc quy định như vậy là chưa phù hợp với phạm vi điều chỉnh của dự thảo đưa ra.

- **Thứ hai**, đề nghị cơ quan soạn thảo lưu ý vấn đề sau:

+ Theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” (Nghị định số 122/2018/NĐ-CP) thì UBND tỉnh có trách nhiệm: *“Trên cơ sở các tiêu chuẩn, tiêu chí, cách chấm điểm quy định tại Nghị định này, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng thang điểm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương”*. ***Việc ban hành thang điểm để áp dụng trong việc xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa; danh hiệu thôn, làng, áp, bản, tổ dân phố văn hóa và trương đơng đã đợc Nghị định số 122/2018/NĐ-CP quy định rất cụ thể (có mẫu Thang điểm kèm theo).***

+ Quy trình, hồ sơ, thủ tục xét công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” đã đợc quy định rất cụ thể tại Điều 5 Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” – ***không quy định việc sử dụng thang điểm trong quá trình xét, công nhận;***

+ Trình tự, thủ tục xét và công nhận “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” đã đợc quy định rất cụ thể tại Điều 5, Điều 6 Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 01 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”, “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” – ***không quy định việc sử dụng thang điểm trong quá trình xét, công nhận;***

+ Trình tự đăng ký, xét và thủ tục công nhận “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa) trong Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đã đợc quy định rất cụ thể tại Điều 6, Điều 7 Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24/9/2014, Quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” – ***không quy định việc sử dụng thang điểm trong quá trình xét, công nhận;***

Như vậy, cơ quan soạn thảo cần giải trình rõ ràng, cụ thể về cơ sở của việc quy định thang điểm đối với xét, công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”, “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” (đợc áp dụng tại bước nào trong hoạt động xét, công nhận? Ai là người chấm điểm, tổng hợp điểm? Có bắt buộc nằm trong thành phần hồ sơ hay không? Có phát sinh thủ tục hành chính hay không?).

- **Thứ ba**, việc cơ quan soạn thảo quy định như nội dung tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Quy định là chưa phù hợp, lý do: *“Quy định này quy định thang điểm gia đình văn hoá; Thôn, bon, buôn, bản, tổ dân phố văn hóa...”* là chưa chính

xác, có thể viết lại như tên gọi dự thảo Quyết định “*thang điểm áp dụng bình xét danh hiệu ...*” – sửa tương tự tại tên gọi dự thảo Quy định.

b) Về đối tượng áp dụng:

- Tại điểm a khoản 2 Điều 2: đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét thêm trường hợp gia đình “*đang sinh sống và có sổ tạm trú liên tục từ 05 trở lên tại tỉnh*”? Lý do, Điều 6 Nghị định số 122/2018/NĐ-CP chỉ quy định yếu tố “*nơi cư trú*” (khoản 1 Điều 6). Hơn nữa, theo Điều 1 của Luật Cư trú năm 2006 thì “*Cư trú là việc công dân sinh sống tại một địa điểm thuộc xã, phường, thị trấn dưới hình thức thường trú hoặc tạm trú*”.

- Tại điểm d khoản 2 Điều 2: đề nghị lưu ý yếu tố “*Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, đã thành lập công đoàn cấp cơ sở có đăng ký thi đua*”, “*trong Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”*” tại khoản 1 Điều 1 và điểm a khoản 2 Điều 1 Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL để quy định cho đầy đủ, chính xác.

2. Tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất và sự phù hợp của nội dung dự thảo với các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật có liên quan

Về nội dung dự thảo văn bản cơ bản phù hợp với các văn bản có liên quan và tình hình thực tiễn tại địa phương.

Tuy nhiên, để văn bản hoàn chỉnh, phù hợp hơn, cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu, xem xét lại một số nội dung sau:

a) Đối với dự thảo Quyết định

Tại Điều 2 dự thảo cần quy định cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Điều 38 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, theo đó hiệu lực của văn bản **cần phải ghi rõ ngày, tháng, năm có hiệu lực** trên cơ sở bảo đảm đủ thời gian để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có điều kiện tiếp cận văn bản, các đối tượng thi hành có điều kiện chuẩn bị thi hành văn bản nhưng **không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày ký ban hành**.

b) Đối với dự thảo Quy định

- Tại Điều 2 dự thảo: quy định “*nguyên tắc thực hiện*” việc công nhận; việc bình xét công nhận, khen thưởng không phù hợp với phạm vi điều chỉnh dự thảo (quy định về thang điểm). Hơn nữa, các nội dung về “*nguyên tắc thực hiện*” đã được quy định tại Điều 3 Nghị định số 122/2018/NĐ-CP; Điều 2 Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL; Điều 2 Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL; Điều 2 Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL. Vì vậy, không cần thiết phải quy định nội dung này tại dự thảo (*lưu ý việc đánh số thứ tự khoản trong Điều*).

- Tiêu đề Điều 3 quy định về “*Thang điểm áp dụng xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa, danh hiệu Khu dân cư văn hóa*”. Cần lưu ý, tại Điều 1, Điều 2

cũng như trong toàn bộ dự thảo Quy định, chưa có điều khoản nào chú thích về từ ngữ viết tắt này.

- Tại khoản 3 Điều 3 dự thảo: đề nghị lưu ý yếu tố “*Hộ gia đình thuộc xã, phường, thị trấn thuộc miền núi, hải đảo hoặc xã đặc biệt khó khăn hoặc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ*” theo điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định số 122/2018/NĐ-CP để quy định cho chính xác. Tại sao không đưa đối tượng “hộ cận nghèo” vào dự thảo? Nội dung tại quy định này không thống nhất với điểm b khoản 2 dự thảo Phụ lục 01 (***Gia đình văn hóa đạt từ 85 đến 100 điểm***). Đề nghị phải có cột thang điểm riêng dành các đối tượng “đặc biệt” theo quy định.

- Tại khoản 4 Điều 3 dự thảo: quy định này chưa phù hợp với quy định tại điểm b khoản 4 Điều 5 Nghị định số 122/2018/NĐ-CP (tại sao có đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo?). Đề nghị rà soát lại để quy định cho chính xác. Ngoài ra, quy định này không thống nhất với điểm b khoản 2 dự thảo Phụ lục 02 (***Khu dân cư văn hóa đạt từ 80 đến 100 điểm***). Đề nghị phải có cột thang điểm riêng dành các đối tượng “đặc biệt” theo quy định.

- Tại Điều 4 và Điều 5 dự thảo: đề nghị xem lại kỹ nội dung thẩm định tại gạch ngang thứ hai, điểm a, mục 1 Báo cáo thẩm định này (*bảo đảm sự phù hợp, thống nhất giữa phạm vi điều chỉnh với nội dung các điều khoản cũng như thẩm quyền, trách nhiệm của UBND tỉnh được giao – trường hợp cần xây dựng thang điểm này để thuận tiện cho việc áp dụng thì phải thuyết minh rõ về cơ sở pháp lý, thực tiễn*).

- Tại khoản 3 Điều 6: cần nêu rõ thực hiện đăng ký danh hiệu từ đâu theo quy định nào? (Lưu ý: thời gian tới tỉnh ta sẽ sáp nhập, đổi tên, thành lập mới rất nhiều thôn, bon, buôn, bản, tổ dân phố theo Nghị quyết của Tỉnh ủy và HĐND tỉnh).

- Tại Điều 9: cần bổ sung tên điều theo quy định.

c) Đối với dự thảo Phụ lục

- Bố cục các Phụ lục được trình bày chưa thống nhất (theo số thứ tự hay Bảng chữ cái tiếng Việt? chưa có “dòng” tổng điểm tại Phụ lục 01, Phụ lục 02...). Đề nghị nghiên cứu lại quy định cho thống nhất.

- Đề nghị phải bổ sung cột thang điểm riêng dành các đối tượng “đặc biệt” theo quy định (như đã nêu tại điểm b Mục 2 Báo cáo thẩm định này).

- Tại Phụ lục 01:

+ Tiêu đề khoản 2 là “xét công nhận” chính xác chưa? Đề nghị nghiên cứu khoản 1 Điều 1 Nghị định số 122/2018/NĐ-CP (*xét tặng danh hiệu ...*). Trường hợp đặc biệt là trường hợp nào?

+ Tại điểm a khoản 2, đề nghị nêu rõ cơ sở pháp lý/ thực tiễn của quy định?

+ Tại điểm b khoản 2, chưa thống nhất với khoản 3 Điều 3 dự thảo (như đã nêu tại điểm b Mục 2 Báo cáo thẩm định này).

+ Tại điểm e khoản 2, nội dung đã được quy định tại Điều 7 Nghị định số 122/2018/NĐ-CP. Đề nghị không quy định lại cho phù hợp với khoản 2 Điều 8 và khoản 1 Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Tại Phụ lục 02: đối chiếu, nghiên cứu các nội dung tương tự như đã nêu tại Phụ lục 01 – với văn bản pháp luật có liên quan.

- Tại Phụ lục 03: đề nghị nghiên cứu điểm a khoản 2 Điều 5 và khoản 1 Điều 7 để nghiên cứu thêm các “tiêu chí bổ sung”.

- Tại Phụ lục 05: giải trình cụ thể cơ sở pháp lý/ thực tiễn bổ sung các tiêu chuẩn mới so với khung của Trung ương? (tiểu mục 2, tiểu mục 6, tiểu mục 7, tiểu mục 8 mục II).

- Tại Phụ lục 06: giải trình cụ thể cơ sở pháp lý/ thực tiễn bổ sung các tiêu chuẩn mới so với khung của Trung ương? (tiểu mục 4 mục III).

Tóm lại, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định pháp luật chuyên ngành để xây dựng dự thảo cho phù hợp với quy định hiện hành về nội dung; không nên quy định lại nếu đã được văn bản Trung ương đã quy định mà có thể dẫn chiếu cho phù hợp.

2. Về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản

Cơ quan soạn thảo cần rà soát chỉnh sửa lỗi chính tả; trình bày văn bản theo đúng thể thức, kỹ thuật quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo Quyết định và dự thảo Quy định trình bày theo mẫu số 19 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (*kỹ thuật trình bày rất sơ sài*), cụ thể:

a) Đối với dự thảo Quyết định

- Về căn cứ pháp lý (*phải in nghiêng*):

+ Viết lại định dạng “ngày ... tháng ... năm” tại căn cứ thứ 1, căn cứ thứ 2, căn cứ thứ 4, căn cứ thứ 7 cho thống nhất;

+ Tại căn cứ thứ 3: phải đảm bảo nguyên tắc “*sau mỗi căn cứ phải xuống dòng*” tại khoản 3 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (tách thành 03 căn cứ);

+ Viết lại căn cứ thứ 5 đến căn cứ thứ 8 như sau cho chính xác (*các từ in đậm nhằm nhấn mạnh lỗi sai*):

“Căn cứ Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”;

Căn cứ Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”;

Căn cứ Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 01 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”, “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”;

+ Trình bày theo đúng Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: “*Căn cứ ban hành văn bản được thể hiện bằng chữ in thường, kiểu chữ nghiêng, cỡ chữ 14, trình bày dưới phân tên của văn bản; sau mỗi căn cứ phải xuống dòng, cuối dòng có dấu chấm phẩy (;), dòng cuối cùng kết thúc bằng dấu chấm (.)*”.

- Sau dấu chấm phẩy (;) không viết hoa (**lỗi này sai rất nhiều**).

- Mục nơi nhận:

+ Nơi nhận thứ 1 trùng lặp với nơi nhận thứ 10 và nơi nhận thứ 14.

+ Viết lại “Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh” thành “Trung tâm Lưu trữ” cho phù hợp với Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc tổ chức lại Trung tâm lưu trữ lịch sử.

- Đánh số trang văn bản theo đúng quy định tại Điều 76 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: “*Trang của văn bản được đánh số thứ tự bằng chữ số Ả Rập, cỡ chữ từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng, không đánh số trang thứ nhất, được đặt canh giữa theo chiều ngang trong phần lề trên của văn bản. Số trang của phụ lục được đánh số riêng theo từng phụ lục*”.

b) Đối với dự thảo Quy định

- Sửa lại tên tỉnh là “Đắk Nông” trong toàn bộ dự thảo cho thống nhất.

- Sau dấu chấm phẩy (;) không viết hoa (**lỗi này sai rất nhiều**).

- Khoản 1, khoản 2 Điều 1 dự thảo cần trình bày cho phù hợp theo điểm d khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: “...Số thứ tự và tiêu đề của khoản được trình bày trên một dòng riêng, bằng chữ in thường, cỡ chữ bằng cỡ chữ của phần lời văn từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng...”.

- Đánh số trang văn bản theo đúng quy định tại Điều 76 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: “*Trang của văn bản được đánh số thứ tự bằng chữ số Ả Rập, cỡ chữ từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng, không đánh số trang thứ nhất, được đặt canh giữa theo chiều ngang trong phần lề trên của văn bản. Số trang của phụ lục được đánh số riêng theo từng phụ lục*”.

c) Đối với dự thảo Phụ lục:

- Tên gọi Phụ lục phải được trình bày bằng chữ in thường, cỡ chữ 14, kiểu chữ đứng, đậm.

- Lưu ý, rà soát lại cách sử dụng ngôn ngữ văn bản cho phù hợp với Điều 69 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

- Đánh số trang văn bản theo đúng quy định tại Điều 76 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: *“Trang của văn bản được đánh số thứ tự bằng chữ số Ả Rập, cỡ chữ từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng, không đánh số trang thứ nhất, được đặt canh giữa theo chiều ngang trong phần lề trên của văn bản. Số trang của phụ lục được đánh số riêng theo từng phụ lục”*.

3. Kết luận chung

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu UBND tỉnh ban hành dự thảo Quyết định ban hành Quy định thang điểm áp dụng bình xét danh hiệu Gia đình văn hóa; thôn, bon, buôn, bản, tổ dân phố văn hóa; xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị; cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Nông là phù hợp với thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và cần thiết với điều kiện thực tế của địa phương. Tuy nhiên, cơ quan soạn thảo cần rà soát, chỉnh sửa lại nội dung dự thảo theo các ý kiến của Sở Tư pháp tại mục 1, 2 của Báo cáo thẩm định này, từ đó tiếp tục hoàn chỉnh dự thảo trước khi trình UBND tỉnh ban hành theo đúng thẩm quyền (*do nội dung dự thảo còn nhiều vấn đề cần nghiên cứu chỉnh lý, thuyết minh, giải trình... nên cơ quan soạn thảo có thể đề xuất UBND tỉnh gia hạn thời gian trình; có thể lấy ý kiến **thẩm định lại** của Sở Tư pháp trước khi trình*).

Trên đây là nội dung báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Quyết định ban hành Quy định thang điểm áp dụng bình xét danh hiệu Gia đình văn hóa; thôn, bon, buôn, bản, tổ dân phố văn hóa; xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị; cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu thực hiện theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở VH TT & DL (t/h);
- GD, PGD Sở (đ/c Hiếu);
- VP Sở (đưa lên Website của Sở);
- Lưu: VT, VB P/BPL, CV (PT).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Trung Hiếu